

Chương 04

MỘT SỐ VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

“ Add your company slogan ”

LOGO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo bắt buộc

- GS. TS. Nguyễn Thị Mơ, Giáo trình *Pháp luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội 2009.
- *Luật Thương mại Việt Nam* được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005
- *Công ước Viên năm 1980* của Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.
- *Pháp luật trong hoạt động kinh tế đối ngoại* (các văn bản pháp luật cần tham khảo), Nhóm tác giả bộ môn Luật, Nxb Chính trị quốc gia.
- Văn bản dưới luật: Nghị định 12/2006/NĐ-CP ngày 25/01/2006 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài. Nghị định 59/2006/NĐ-CP

Tài liệu tham khảo mở rộng

- Incoterms 2000 và hướng dẫn sử dụng Incoterms 2000.
- Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ.
- Bộ luật Thương mại thống nhất của Mỹ năm 1987 (viết tắt là UCC)...

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG MBHHQT

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

IV. KÝ KẾT HĐMBHHQT

V. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHỦ YẾU CỦA HĐMBHHQT

VI. CHẤP HÀNH HĐMBHHQT

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG MBHHQT

1. HĐMBHHQT là gì?

2. Đặc điểm của HĐMBHHQT

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG MBHHQT

1. HĐMBHHQT là gì?

- *Về thuật ngữ*
- *Về mặt khái niệm*
 - Là HĐMBHH
(HH- điều 3 khoản 2 Luật TMVN)
 - Có yếu tố nước ngoài (tính chất quốc tế, nhân tố nước ngoài)

Yếu tố nước ngoài:

* Công ước Lahaye 1964

- Chủ thể ký kết là các bên có trụ sở thương mại ở các nước khác nhau
- Hàng hoá là đối tượng của hợp đồng được chuyển hoặc sẽ được chuyển từ nước này sang nước khác
- Chào hàng và chấp nhận chào hàng có thể được lập ở những nước khác nhau

* Công ước Viên năm 1980 : các bên ký kết hợp đồng có trụ sở thương mại ở các nước khác nhau

* Luật Thương mại VN năm 2005: Mua bán hàng hóa quốc tế được thực hiện thông qua các hình thức: XK, NK, TNTX, TXTN, Chuyển khẩu (xem thêm Đ758 BLDS 2005)

I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG MBHHQT

2. Đặc điểm của HĐMBHHQT

- *hợp đồng song vụ, có bồi hoàn, hợp đồng ước hẹn*
- *các bên có trụ sở thương mại đặt ở các nước khác nhau*
- *Hàng hóa có thể được chuyển qua biên giới*
- *Đồng tiền dùng để thanh toán có thể là ngoại tệ đối với một trong hai bên*
- *Nguồn luật điều chỉnh HĐMBHHQT rất đa dạng và phức tạp*
- *Tranh chấp phát sinh thì cơ quan đứng ra xét xử có thể là tòa án hoặc là trọng tài quốc tế*

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

1. Điều ước quốc tế về thương mại

2. Luật quốc gia

3. Tập quán thương mại quốc tế

4. Hợp đồng mẫu

6. Án lệ

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

1. Điều ước quốc tế về thương mại

a. Khái niệm

Điều ước quốc tế là một loại văn kiện pháp lý ký kết giữa hai hay nhiều quốc gia (hoặc các chủ thể khác của công pháp quốc tế) nhằm quy định, sửa đổi hay huỷ bỏ quyền hạn và nghĩa vụ với nhau

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

1. Điều ước quốc tế về thương mại

b. Phân loại các ĐƯQT về thương mại

- ĐƯQT gián tiếp điều chỉnh (chỉ đề ra các nguyên tắc pháp lý chung)
- ĐƯQT trực tiếp điều chỉnh (quyền hạn và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng)

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

1. Điều ước quốc tế về thương mại

c. Các trường hợp áp dụng

- * Khi các quốc gia có tham gia ký kết hoặc thừa nhận ĐƯQT: đương nhiên điều chỉnh
- * Khi các bên đã thỏa thuận, thống nhất và ghi rõ vào hợp đồng

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

2. Luật quốc gia:

a. Các trường hợp áp dụng

- ĐU'QT mà quốc gia của các chủ thể tham gia ký kết hoặc thừa nhận có quy định
- Khi các bên tham gia hợp đồng thoả thuận và quy định trong hợp đồng
- Các bên thoả thuận lựa chọn luật áp dụng cho hợp đồng sau khi ký kết
- cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp sẽ tự mình chọn luật áp dụng căn cứ vào các quy phạm xung đột của nước mình
- thoả thuận mặc nhiên hay thoả thuận bằng hành vi

b. Cách áp dụng

- * Áp dụng luật chuyên biệt
- * Không có thì áp dụng luật trực tiếp liên quan
- * Áp dụng nguyên lý chung về hợp đồng trong luật dân sự

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

3. Tập quán thương mại quốc tế

a. Khái niệm

- Là thói quen phổ biến, được nhiều nước áp dụng và áp dụng thường xuyên, có tính chất ổn định;
- Là thói quen duy nhất về từng vấn đề, ở từng địa phương, từng quốc gia hay trong từng khu vực;
- Là thói quen có nội dung cụ thể, rõ ràng, dựa vào đó có thể xác định được quyền và nghĩa vụ của các bên.

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

3. Tập quán thương mại quốc tế

b. Phân loại tập quán thương mại quốc tế: 3 nhóm

- * Các tập quán có tính chất nguyên tắc
- * Tập quán thương mại quốc tế chung.
- * Các tập quán thương mại khu vực (địa phương).

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

3. Tập quán thương mại quốc tế

c. Các trường hợp áp dụng

- Các bên thoả thuận cụ thể trong hợp đồng hoặc sau khi ký kết hợp đồng;
- Được quy định trong các ĐU'QT có liên quan;
- Các bên không có thoả thuận về vấn đề đang tranh chấp, ĐU'QT liên quan và luật quốc gia được dẫn chiếu không quy định hoặc quy định không đầy đủ về vấn đề tranh chấp, về vấn đề cần điều chỉnh.

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

3. Tập quán thương mại quốc tế

d. Cách áp dụng TQTMQT

- * Khi áp dụng phải lưu ý giá trị pháp lý của tập quán:
- * Hầu hết đều có tính chất tùy ý nên các bên có thể sửa đổi, bổ sung các tập quán đó.
- * Khi áp dụng phải kết hợp với các nguồn luật khác, không được áp dụng tập quán một cách riêng lẻ.

II. NGUỒN LUẬT ĐIỀU CHỈNH HĐMBHHQT

4. Án lệ (thực tiễn toà án và trọng tài)

a. Khái niệm

b. Các trường hợp áp dụng

- * Khi các bên lựa chọn luật áp dụng HĐ là luật của các nước theo Hệ thống luật Anh – Mỹ.
- * Khi TA hoặc Trọng tài được quyền lựa chọn luật.

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

1. Khái niệm

2. Các mặt biểu hiện của xung đột pháp luật về HĐMBHHQT

3. Những quy phạm xung đột thường được áp dụng trong ngoại thương

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

1. Khái niệm

Xung đột pháp luật về HĐMBHHQT là hiện tượng mà trong đó, hai hay nhiều hệ thống pháp luật khác nhau cùng có thể được áp dụng để điều chỉnh một quan hệ pháp lý nhất định phát sinh từ, có liên quan đến HĐMBHHQT và các hệ thống đó có cách hiểu khác nhau, cách quan niệm khác nhau khi điều chỉnh mối quan hệ pháp lý đó.

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

2. Các mặt biểu hiện của xung đột pháp luật về HĐMBHHQT

- ☞ Xung đột pháp luật về hình thức hợp đồng.
- ☞ Xung đột pháp luật về nội dung HĐMBHHQT.
- ☞ Xung đột pháp luật về địa vị pháp lý của các bên tham gia hợp đồng.
- ☞ Xung đột pháp luật về thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các tranh chấp về HĐMBHHQT.

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

3. Những quy phạm xung đột thường được áp dụng trong ngoại thương

a. Khái niệm

- Dùng các quy phạm xung đột
- Quy phạm ấn định luật pháp nước nào cần phải áp dụng để giải quyết
- Mang tính chất “dẫn chiếu gồm có phần hệ thuộc và phần phạm vi.

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

3. Những quy phạm (cont.)

b. Các trường hợp áp dụng:

- ☞ **Xung đột về hình thức hợp đồng: lex loci contractus**
- ☞ **Khi có xung đột về nội dung HĐ**
 - Luật nước người bán (lex venditoris).
 - Luật lựa chọn (lex voluntatis):
 - Luật nơi thực hiện nghĩa vụ (lex loci solutionis)

III. XUNG ĐỘT PHÁP LUẬT VỀ HĐMBHHQT

☞ **Khi có xung đột pháp luật về địa vị pháp lý của các bên đương sự**

➤ *Luật quốc tịch (lex nationalis):*

➤ *Luật nơi cư trú (lex domicillii)*

☞ **Khi có xung đột về thẩm quyền xét xử của tòa án**

➤ *Quy phạm xung đột tòa án nơi đương sự có quốc tịch*

➤ *Tòa án nơi bị cáo cư trú,*

➤ *Tòa án nơi xảy ra tranh chấp*

➤ *Tòa án nơi có tài sản đang bị tranh chấp...*

IV. KÝ KẾT HĐMBHHQT

1. Điều kiện hiệu lực của HĐMBHHQT

a. Chủ thể ký kết hợp đồng phải hợp pháp

- Có đủ tư cách pháp lý
- Người trực tiếp thực hiện giao dịch phải có đủ thẩm quyền để ký kết

b. Hình thức của HĐMBHHQT phải hợp pháp

c. Nội dung của HĐ phải hợp pháp

- Điều khoản chủ yếu (Luật TM, CƯ Viên...)
- Điều khoản tùy nghi: không trái pháp luật và đạo đức xã hội

d. Hợp đồng phải được ký kết trên cơ sở nguyên tắc tự nguyện: nhằm lừa, lừa dối, đe dọa

2.Trình tự ký kết HĐMBHHQT

a. Phương thức ký kết trực tiếp

b. Phương thức ký kết gián tiếp

**Đề nghị ký kết hợp đồng
(Chào hàng)**



**Chấp nhận đề nghị
giao kết hợp đồng
(Chấp nhận chào hàng)**

**HỢP ĐỒNG
MUA BÁN
HÀNG HÓA
QUỐC TẾ**

ĐỀ NGHỊ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

Điều kiện:

- Phải có đủ các điều khoản chủ yếu của một hợp đồng
- Phải có thời hạn hiệu lực nhất định
- Phải được gửi tới người được đề nghị và người đề nghị không thu hồi hoặc huỷ đề nghị

CHẤP NHẬN ĐỀ NGHỊ GIAO KẾT HỢP ĐỒNG

Điều kiện:

- Phải chấp nhận vô điều kiện
 - + Điều 395 BLDS 2005
 - + Điều 19(3) Công ước Viên 1980
- Phải tới người đề nghị trong thời hạn hiệu lực của đơn đề nghị
 - + Thuyết tiếp thu
 - + Thuyết tổng phát
- Người chấp nhận không huỷ đơn chấp nhận đề nghị

THỰC HÀNH

Ngày 22/4/2000, công ty Petrolex- VN gửi cho công ty IPI- Pháp một chào hàng cố định bán dầu thô với đủ 6 điều khoản chủ yếu, trong đó quy định giao hàng vào tháng 6,7,8/2000, chào hàng có hiệu lực đến 16h30 ngày 17/5/2000- ngày này lại rơi vào Chủ nhật. Đến 16h30 ngày 16/5, do biết hôm sau là ngày Chủ nhật nên Petrolex thảo sẵn điện tín báo cho IPI biết thời hạn để chấp nhận đã hết nhưng do bộ phận phụ trách telex nghỉ nên bức điện đó được gửi đi vào ngày 18/5. Vào 23h18' ngày 16/5, IPI gửi cho Petrolex một bức điện với nội dung “Chúng tôi chấp nhận đề nghị ngày 22/4/2000 của Quý Công ty về việc giao hàng vào tháng 6,7,8/2000 và chúng tôi sẽ quay trở lại vấn đề này với chương trình bốc rót cụ thể”. Petrolex cho rằng chấp nhận vào đêm thứ 7 là chậm và giữa hai bên chưa có HĐ, do vậy không giao hàng. IPI thì cho rằng thư chấp nhận đến trước một ngày nên HĐ đã được hình thành, họ đã mở L/C nhưng Petrolex không giao hàng. IPI đòi hủy HĐ và đòi bồi thường thiệt hại là 47.600 USD. **Giữa hai bên đã có HĐ chưa?** (2 trường hợp: theo pháp luật Việt Nam và theo Công ước Viên 1980)

V. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHỦ YẾU CỦA HĐMBHHQT

1. Tên và địa chỉ của các bên
2. Điều khoản tên hàng
3. Điều khoản về số lượng
4. Điều khoản phẩm chất:
5. Điều khoản giá cả và phương thức thanh toán
6. Điều khoản về thời hạn, địa điểm và điều kiện giao hàng
7. Luật áp dụng:
8. Giải quyết tranh chấp

Tranh chấp giữa một Công ty Nga và một Doanh nghiệp Việt Nam

Nguyên đơn: Công ty Nga (người mua)

Bị đơn: DN Việt Nam (người bán)

Ngày 04/10/1993 giữa nguyên đơn (người mua Nga) và bị đơn (người bán VN) ký hợp đồng số 829/93, theo đó bị đơn bán cho nguyên đơn 110 MT lạc nhân theo điều kiện CIF cảng Vladivostok. Hợp đồng quy định phẩm chất của lạc nhân theo 6 chỉ tiêu trong đó có chỉ tiêu độ ẩm <9%. HĐ quy định kiểm tra phẩm chất tại nước người bán do Vinacontrol làm là quyết định.

- 18/3/94: người bán giao hàng 105 MT trong 7 container, lấy vận đơn hoàn hảo. Trước khi bốc hàng lên tàu đã mời Vinacontrol giám định và cấp GCNPC.

- 25/4/94: hàng đến cảng Vladivostok.

- 26/5/94: người mua mời công ty giám định đến giám định 2 container theo tiêu chuẩn quốc gia Nga, kết luận: lạc kém phẩm chất, độ ẩm 13%, mốc, mốc mầm. Người mua chở bằng đường sắt 5 container còn lại đến Rostop Nadonu.

- 16/6/94: người mua mời giám định đến giám định lô lạc. Biên bản giám định kết luận lạc không đúng phẩm chất quy định trong HĐ, việc tiếp tục sử dụng lạc phải giao cho cơ quan kiểm dịch Nhà nước Nga quyết định. Người mua Nga giao 7 containers cho người mua lại nội địa. Người này thấy lạc không sử dụng được nên đã tự động hủy lô lạc.

Người mua Nga tiến hành khiếu nại người bán đòi giao thay thế hàng đúng phẩm chất hoặc trả lại tiền.

Yêu cầu của Nga có được chấp nhận không? Tại sao?

1. Giá trị pháp lý của GCNPC do Vinacontrol lập ở bên đi???

2. Giá trị của các biên bản giám định được lập ở nước người mua???

VI. CHẤP HÀNH HĐMBHHQT

1. Nguyên tắc chấp hành HĐMBHHQT

2. Trách nhiệm vật chất do vi phạm HĐMBHHQT

3. Cường chế thi hành chế tài trong HĐMBHHQT

VI. CHẤP HÀNH HĐMBHHQT

1. Nguyên tắc chấp hành

- Chấp hành đúng (đối tượng, số lượng, chủng loại..và thoả thuận khác)
- Chấp hành trung thực, theo tinh thần hợp tác và có lợi nhất cho các bên, đảm bảo tin cậy lẫn nhau
- Không xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, lợi ích hợp pháp khác

VI. CHẤP HÀNH HĐMBHHQT

2. Trách nhiệm do vi phạm HĐ

2.1. Các căn cứ cấu thành trách nhiệm
(các yếu tố cấu thành trách nhiệm)

2.2. Các trường hợp miễn trách

2.3. Chế độ trách nhiệm do vi phạm
HĐMBHHQT

2.1. Các căn cứ cấu thành trách nhiệm

- Có hành vi vi phạm hợp đồng
- Có thiệt hại thực tế
- Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi vi phạm hợp đồng và thiệt hại thực tế
- Có lỗi của bên vi phạm: “lỗi suy đoán”

2.2. Các trường hợp miễn trách

* **TH miễn trách:** *Là những trường hợp do hợp đồng hoặc pháp luật quy định, mà khi gặp phải dẫn đến vi phạm hợp đồng thì bên vi phạm được miễn trách*

* **Các trường hợp miễn trách (Đ294 LTM)**

- ✓ Xảy ra những TH mà các bên thỏa thuận
- ✓ Xảy ra sự kiện bất khả kháng (Đ2 PLTTTM, Đ117 Luật HĐ TQ, Đ7.1.7 PICC)
- ✓ Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;
- ✓ Do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.
- ✓ Khi xảy ra trường hợp miễn trách mà các bên thỏa thuận;

2.2. Các trường hợp miễn trách

- ✓ **Khoản 7 Điều 2 Pháp lệnh trọng tài thương mại 2003:** Sự kiện BKK là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép.
- ✓ **Điều 117 Luật hợp đồng của CHDCND Trung Hoa:** “...Trong luật này, sự kiện bất khả kháng được hiểu là các hoàn cảnh không thể thấy trước, không thể tránh khỏi và không thể vượt qua”.
- ✓ **Khoản 1 Điều 7.1.7 Nguyên tắc Hợp đồng thương mại quốc tế (PICC):** “Việc không thực hiện của một bên sẽ được miễn trách nhiệm, nếu bên này chứng minh được rằng việc không thực hiện là do những trở ngại ngoài tầm kiểm soát của họ và những trở ngại đó cần nhắc kỹ vẫn không thể lường trước được vào thời điểm giao kết hợp đồng, hoặc các trở ngại này là không thể tránh hoặc vượt qua được”.

2.2. Các trường hợp miễn trách

Lưu ý:

- Phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về miễn trách và hậu quả có thể xảy ra
- Bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh với bên bị vi phạm về trường hợp miễn trách của mình.
- Khi miễn trách chấm dứt phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia, nếu không thông báo hoặc thông báo không kịp thì sẽ phải bồi thường thiệt hại.

2.3. Chế độ trách nhiệm do vi phạm HĐMBHHQT

- ①- Buộc thực hiện đúng hợp đồng (Đ297)
- ②- Phạt vi phạm (Đ300 LTM, Đ422 BLDS)
- ③- Buộc bồi thường thiệt hại (Đ302 LTM):
Lãi suất chậm trả (Đ306 LTM, 305 BLDS)
- ④- Tạm ngưng thực hiện HĐ (Đ308 LTM)
- ⑤- Đình chỉ thực hiện HĐ (Đ310 LTM)
- ⑥- Huỷ hợp đồng (Đ312 LTM): Lưu ý Đ313 LTM, Đ73 CƯ Viên)
- ⑦- Các biện pháp khác do các bên thoả thuận

VI. CHẤP HÀNH HĐMBHHQT

3. Cường chế thi hành chế tài trong HĐMBHHQT

4.1. Điều kiện áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành chế tài

- phải chứng minh được thời hạn thực hiện nghĩa vụ của bên vi phạm đã hết
- phải thông báo cho bên vi phạm biết là thời hạn thực hiện nghĩa vụ của bên vi phạm đã hết

4.2. Các biện pháp cưỡng chế thi hành chế tài

- Sai áp tài sản của bên vi phạm
- Tuyên bố phá sản

“ Add your company slogan ”

Thank You !

